

Nà Hỳ, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số: 333/BC-THCSNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường:

Tên gọi: Trường PTDTBTTHCS Nà Hỳ

2. Địa chỉ:

Bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 0965780999

Trang thông tin điện tử: <https://thcsnahy.nampo.edu.vn>

Loại hình trường: Công lập

Sứ mạng: “Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao”

Tầm nhìn “ Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, tiếp cận hiện đại”.

Giá trị cốt lõi: “ Bền chí chuyên tâm – Học hành chăm chỉ”

3. Số liệu đến thời điểm báo cáo:

Nhà trường có 45 đ/c: Trong đó có 3 đ/c CBQL, 5 nhân viên, 37 đ/c giáo viên, tỷ lệ 2,05 giáo viên/lớp.

+ Số lượng CBQL, GV hoàn thành các Chương trình bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 40/40 (100%)

4. Quá trình hình thành và phát triển:

Trường PTDTBTTHCS Nà Hỳ được thành lập năm 2001 theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Mường Lay, tiền thân là trường THCS gồm hai cấp học THCS và Tiểu học, đến năm học 2005-2006 chia tách thành lập trường THCS và trường Tiểu học, năm 2011 chuyển đổi thành trường PTDTB THCS Nà Hỳ. Sau 23 năm hoạt động, nhà trường từng bước phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành góp phần vào sự phát triển sự nghiệp giáo dục huyện Nậm Pồ và tỉnh Điện Biên.

Trải qua 23 năm xây dựng và phát triển trường có bề dày truyền thống lịch sử, trường được tạo nên bởi sự cống hiến của nhiều thế hệ Hiệu trưởng và của nhiều thế hệ nhà giáo, trường đã đào tạo nhiều thế hệ học sinh trưởng thành hiện đang giữ những vị trí nhất định trong xã hội.



Người đại diện pháp luật: Trần Hoàng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ, tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 0965780999

Trang thông tin điện tử: <https://thcsnahy.nampo.edu.vn>

Gmail: Truongsonnakhoa@gmail.com

Diện tích nhà trường: 15,614 m²/646hs, bình quân: 24,17m²/hs.

Trường PTDTBTTHCS Nà Hỳ được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm học 2024-2025;

Năm học 2024-2025 nhà trường được UBND tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen, chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc

Tổ chức bộ máy nhà trường: được chia làm 04 tổ gồm: Tổ Văn phòng, tổ KHTN, tổ KHXH, tổ Bộ mioon chung gồm 45 cán bộ giáo viên nhân viên.

+ Tổng số học sinh toàn trường là 646 gồm 18 lớp:

Khối 6 là: 172 học sinh ; Khối 7 là: 158 học sinh; Khối 8: 178 học sinh; Khối 9 là: 144

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	49	0	1	42	0	2	4	0	19	21	0	30	10	0	0
I	Giáo viên	37	0	0	37	0	0	0		16	21	0	27	10		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:															
1	Toán	7	0	0	7	0	0	0								
2	Lý	2	0	0	2	0	0	0								
3	Hóa	2	0	0	2	0	0	0								
4	Sinh	2	0	0	2	0	0	0								
5	Văn	6	0	0	6	0	0	0								
6	Sử	2	0	0	2	0	0	0								
7	Địa lí	3	0	0	3	0	0	0								

8	Nhạc	2	0	0	2	0	0	0								
9	Mĩ thuật	1	0	0	1	0	0	0								
10	GDTC	2	0	0	2	0	0	0								
11	GDCD	2	0	0	2	0	0	0								
12	Công Nghệ	3	0	0	3	0	0	0								
13	Tin học	1	0	0	1	0	0	0								
14	Anh văn	2	0	0	2	0	0	0								

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng và 02 đồng chí Phó hiệu trưởng được cấp trên đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ Tốt

Giáo viên: 37 đồng chí giáo viên đạt loại tốt đạt tỉ lệ: 27/37 ~73%; 10 đồng chí đạt loại khá, đạt tỉ lệ 10/37 ~27%

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 40/40=100% (trong đó 03 CBQL, 37 GV)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	18	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	18	1296/646
1	Phòng học kiên cố	17	1224/611
2	Phòng học bán kiên cố	01	72/35
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	06	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	35,88	-

III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	15,641	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3300	
VI	Tổng diện tích các phòng	1692	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1296	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	432	
3	Diện tích thư viện (m ²)	100	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	18	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	
1.1	Khối lớp 6	1	1
1.2	Khối lớp 7	1	1
1.3	Khối lớp 8	1	1
1.4	Khối lớp 9	1	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	1	1
2.2	Khối lớp 7	1	1
2.3	Khối lớp 8	1	1
2.4	Khối lớp 9	1	1
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	1
4	...		

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	5	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...		
STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
6			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	200
XI	Nhà ăn	300

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	774	350	2,21
XIII	Khu nội trú	5000	350	14,28

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam	Giáo viên nữ	Học sinh nam	Học sinh nữ
------------	-------------	---------------	--------------	--------------	-------------

		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	12	1	12	2	70	2	70
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA THEO CHƯƠNG TRÌNH 2018

	Tên sách/xuất bản phẩm	Tác giả	Nhà xuất bản
XX	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt		
Lớp 6,7,8,9 bộ sách kết nối tri thức			
	Ngữ văn	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn	Giáo dục Việt Nam

		Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	
	Toán	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng	Giáo dục Việt Nam
	Tiếng Anh I-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
	Giáo dục công dân	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ	Giáo dục Việt Nam
	Khoa học tự nhiên	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam
	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Nghiêm Đình Vỹ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
	Tin học	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
	Âm nhạc	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
	Mĩ thuật	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Thị Chinh, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Dũng Sĩ	Giáo dục Việt Nam

	Giáo dục thể chất	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bính, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chân Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Việt Nga, Trần Thị Thu (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn cầu, Dương Thị Thu Hà, Tạ Văn Hai, Nguyễn Thu Hương, Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hồng Thuận, Lê Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam

Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi môn toán THCS, quyển 1: Đại số - Số học	Lưu Bá Thắng (Chủ biên), Nguyễn Việt Dũng - Hà Duy Hưng, Trần Thị Hà Phương - Đoàn Khánh Thành Tín	Đại học sư phạm
2	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi môn toán THCS, quyển 2: Hình học - Tổ hợp, xác suất	Lưu Bá Thắng (Chủ biên), Nguyễn Việt Dũng - Hà Duy Hưng, Trần Thị Hà Phương - Đoàn Khánh Thành Tín	Đại học sư phạm
3	Kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh môn khoa học tự nhiên	Phạm Thị Bích Đào - Phan Thị Thanh Hội - Đoàn Văn Toàn (Đồng biên) Đặng Trần Xuân - Đào Nguyễn Thu Hà - Mai Thị Ngọc - Trần Thị Gái - Trần Huyền Trang - Nguyễn Hoài Anh - Nguyễn Văn Đức - Trần Việt Hưng	Đại học sư phạm
4	Sổ tay dạy học Ngữ văn	Đỗ Ngọc Thống	Đại học sư phạm
5	Kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh môn lịch sử và địa lí	Ngô Thị Hiền Thúy - Bùi Thị Nhiệm Ngô Thị Hải Yến - Trần Thị Hải Yến - Nguyễn Thị Hiền	Đại học sư phạm
6	Kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh môn khoa học tự nhiên	Phạm Thị Bích Đào - Phan Thị Thanh Hội - Đoàn Văn Toàn (Đồng biên) Đặng Trần Xuân - Đào Nguyễn Thu Hà - Mai Thị	Đại học sư phạm

		Ngọc - Trần Thị Gái - Trần Huyền Trang - Nguyễn Hoài Anh - Nguyễn Văn Đức - Trần Việt Hưng	
7	Bộ đề thi tuyển sinh vào lớp 10 trường chuyên và trường chất lượng cao môn Ngữ văn	Phạm Thị Thu Hiền (Chủ biên) Hoàng Lan Hương - Nguyễn Thị Phương Thanh	Đại học sư phạm
8	Ôn tập thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông môn toán	Nguyễn Sơn Hà (Chủ biên) Nguyễn Thị Hợp - Ngô Hoàng Long - Phạm Minh Phương	Đại học sư phạm
9	Giúp em viết đoạn và bài văn hay Ngữ văn 6	Ths. Nguyễn Phước Lợi (Chủ biên) Ths. Tiêu Thị Lan - Ths. Bùi Thị Hồng Liên Ths. Nguyễn Thị Diễm My - Ths. Trịnh Đình Hồng Trang	Đại học quốc gia Hà Nội
10	Giúp em viết đoạn và bài văn hay Ngữ văn 8	Ths. Nguyễn Phước Lợi (Chủ biên) Ths. Tiêu Thị Lan - Ths. Bùi Thị Hồng Liên Ths. Nguyễn Thị Diễm My - Ths. Trịnh Đình Hồng Trang	Đại học quốc gia Hà Nội
11	Giúp em viết đoạn và bài văn hay Ngữ văn 7	Ths. Nguyễn Phước Lợi (Chủ biên) Ths. Tiêu Thị Lan - Ths. Bùi Thị Hồng Liên Nguyễn Thị Thu Hằng - Nguyễn Thị Khánh Ngân Ths. Nguyễn Thị Diễm My - Ths. Trịnh Đình Hồng Trang	Đại học quốc gia Hà Nội
12	Dạy học phát triển năng lực môn hóa học THCS	Đặng Thị Oanh (Chủ biên) Phạm Thị Bình - Phạm Thị Bích Đào - Phạm Thị Thu Hiền - Hà Thị Lan Hương - Đỗ Thị Quỳnh Mai	Đại học sư phạm
13	Dạy học phát triển năng lực môn sinh học THCS	Đinh Quang Báo (Chủ biên) Phan Thị Thanh Hội - Nguyễn Thị Hằng Nga - Ngô Văn Hưng - Trần Thị Gái	Đại học sư phạm
14	Dạy học phát triển năng lực môn toán THCS	Đinh Quang Báo (Chủ biên)	Đại học sư phạm

		Phan Thị Thanh Hội - Nguyễn Thị Hằng Nga - Ngô Văn Hưng - Trần Thị Gái	
15	Dạy học phát triển năng lực môn lịch sử thcs	Nghiêm Đình Vỹ (Chủ biên) Đinh Ngọc Bảo - Trịnh Đình Tùng(Đồng chủ biên) Nguyễn Xuân Trường - Nguyễn Thị Huyền Sâm - Phan Ngọc Huyền	Đại học sư phạm
16	Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí thcs	Nguyễn Minh Tuệ - Lê Thông (Đồng chủ biên) Ngô Thị Hải Yến - Nguyễn Trọng Đức - Đặng Tiên Dung	Đại học sư phạm
17	Dạy học phát triển năng lực môn công nghệ thcs	Lê Huy Hoàng (chủ biên)	Đại học sư phạm
18	Dạy học phát triển năng lực môn giáo dục công dân thcs	Đào Đức Doãn (chủ biên)	Đại học sư phạm
19	Sổ tay kiến thức - phương pháp - dạng bài khoa học tự nhiên lý - hóa - sinh lớp 6	Ths.Đào Thị Hoàng Ly	ĐHQGHN
20	Sổ tay kiến thức - phương pháp - dạng bài khoa học tự nhiên lý - hóa - sinh lớp 7	Ths.Đào Thị Hoàng Ly - Lê Tuấn Anh - Lê Minh Quân	ĐHQGHN
21	Sổ tay kiến thức - phương pháp - dạng bài khoa học tự nhiên lý - hóa - sinh lớp 8	Ths.Đào Thị Hoàng Ly	ĐHQGHN
22	Củng cố và Ôn luyện hóa học 9(nâng cao và bồi dưỡng học sinh giỏi)	Trần Lục	ĐHQGHN
23	Sổ tay luyện thi vào lớp 10 môn Ngữ văn	Đỗ Thị Thu Hà	ĐHQGHN
24	Sổ tay luyện thi vào lớp 10 môn tiếng anh	Dương Hương	ĐHQGHN

25	Sổ tay luyện thi vào lớp 10 môn toán	Nguyễn Xuân Nam	ĐHQGHN
26	Giải thích bộ đề thi vào 10 khối chuyên toán	Nguyễn Xuân Nam	ĐHQGHN
27	Take Note vào 10 - Ghi chú nhanh ôn thi cấp tốc vào lớp 10 Tiếng Anh	Vy Ngọc	ĐHQGHN
28	Những bài học về sự an toàn: KN phòng chống tệ nạn học đường	Trúc An (BS)	Dân trí
29	Những bài học về sự an toàn - Kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích	Trúc An (BS)	Dân trí
30	Trí tuệ cảm xúc: Chia khóa mở cánh cửa tâm hồn	Hoài Thương (BS)	Dân trí
31	10 vạn câu hỏi vì sao	NTG	Hồng Đức
32	Truyện kể về những tấm gương đạo đức	Dương Phong tuyển chọn	Hồng Đức
33	Truyện kể về ước mơ khát vọng	Quang Lâm (ST - TC)	Dân trí
34	Truyện kể về ý chí và nghị lực	Dương Phong(ST - TC)	Hồng Đức
35	Truyện kể về lòng dũng cảm	Dương Phong(ST - TC)	Hồng Đức
36	Suất đời tu dưỡng theo gương Bác: Bác nhắc nhở về Danh và Lợi	Trường Giang (ST - TC)	Dân trí
37	Chiến thắng Điện Biên Phủ: Điện Biên Phủ: Những ký ức không phai mờ	Sơn Hải (ST -BS)	Hồng Đức
38	Tôi sống ngày nào cũng là vì đất nước ngày đó	Đông Phương (ST BS)	Dân trí
39	Đại tướng Võ Nguyên giáp học trò xuất	Đông Phương (ST BS)	Dân trí

	sắc, cộng sự tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh		
40	Sử Việt chuyện hay nhớ mãi	Lê Thái Dũng (BS)	Hồng Đức
41	Những anh hùng trẻ tuổi trong lịch sử Việt Nam	Nam Phong (ST - TC)	Dân trí
42	Tương tư - tuyển tập thơ	Nguyễn Bính	Văn học
43	Cạm bẫy người - phóng sự	Vũ Trọng Phụng	Văn học
44	Tiếng gọi của hoang dã	Jack London	Văn học
45	Không gia đình	Hector malot - Huỳnh Lý dịch	Văn học
46	Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes - Series truyện tranh kiệt tác văn chương	Conan Doyle	Văn học
47	Nghiệm vụ công tác và các chính sách của ngành giáo dục dành cho giáo viên	Quang Lâm (ST - TC)	Hồng Đức

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1			X		
Tiêu chí 1.2			X		
Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5			X		
Tiêu chí 1.6			X		
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1			X		
Tiêu chí 2.2			X		
Tiêu chí 2.3			X		
Tiêu chí 2.4			X		
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1	X				
Tiêu chí 3.2	X				

Tiêu chí 3.3	x				
Tiêu chí 3.4	x				Khu vệ sinh đã xuống cấp
Tiêu chí 3.5	x				Hệ thống máy tính còn thiếu và xuống cấp Còn thiếu thiết bị dạy học bộ môn
Tiêu chí 3.6			x		
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x		
Tiêu chí 5.6			x		

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	x		

Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4	x		
Tiêu chí 5	x		
Tiêu chí 6		x	Có kết quả giáo dục vượt trội.

Kết luận: Duy trì kiểm định chất lượng giáo dục: 02.

1.2. *Đánh giá theo Chuẩn quốc gia:* Duy trì đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 01.

2. Kế hoạch cải tiến.

2.1. Năm học 2025-2026

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2025-2030 và định hướng đến 2035, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 1) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

- Số hs tuyển sinh đầu cấp (lớp 6): 172 hs trong đó 172 hs đúng tuyển

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 6	Lớp7	Lớp8	Lớp 9	Lớp ...
I	Kết quả tuyển sinh		-	-	-	-	-
	Lớp 1		-	-	-	-	-
	Lớp 6	161	161	-	-	-	-
	Lớp 10		-	-	-	-	-
II	Tổng số học sinh theo từng khối						
1	Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	313/209	83/78	85/96	75/73	60/52	
2	Học sinh là người dân tộc thiểu số	532	144	157	130	101	
3	Học sinh khuyết tật	7	2	4	1	0	
III	Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối	35,4	40,25	36,2	37	28	
IV	Số học sinh học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
V	Số lượng học sinh chuyển trường	19	6	7	2	4	
VI	Số lượng học sinh được tiếp nhận học tại trường	13	4	0	5	4	
VII	Kết quả giáo dục học sinh (đối với cấp tiểu học)						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						

3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
VIII	Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh (đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông)						
1	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	9,47%	10,56%	7,18%	12,16%	8,04%	
b	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	33,89%	29,81%	31,49%	31,76%	46,43%	
c	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	53,65%	55,9%	56,35%	54,05%	45,54%	
d	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2,99%	3,73%	4,97%	2,03%	0	
2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện						
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	84,88%	83,23%	90,06%	85,14%	78,57%	
b	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	12,62%	16,15%	9,39%	13,51%	11,61%	
c	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2,49%	0,62%	0,55%	1,35%	9,82%	
d	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
IX	Tổng hợp kết quả cuối năm	0	0	0	0	0	
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	97,1%	96,27%	95,03%	97,97%	100	
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	9,47%	10,56%	7,18%	12,16%	8,04%	
b	HS được cấp trên khen thưởng	0	0	0	0	0	

	(tỷ lệ so với tổng số)						
...	...		-	-	-	-	
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)		-	-	-	-	
X	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình		-	-	-	112	-
	Tiểu học		-	-	-	-	-
	Trung học cơ sở		-	-	-	112	
	Trung học phổ thông		-	-	-	-	-
XI	Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp	112	-	-	-	-	-
	...		-	-	-	-	-
XII	Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông)		-	-	-	-	-
	Trung học cơ sở		-	-	-	-	-
	Trung học phổ thông						-
XIII	Số lượng học sinh trúng tuyển đại học (đối với cấp trung học phổ thông)						-

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2024

(VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

1.1. Nguồn ngân sách:

DVT: đồng

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Dự toán năm trước chuyển sang (1)	-	706.000
Dự toán giao (2)	12.239.271.000	1.162.412.000
Dự toán bổ sung (3)	2.806.309.000	2.207.136.000
Dự toán giảm (4)	-	-
Dự toán thu (1+2+3-4)	15.045.580.000	3.370.254.000
Dự toán chi	15.040.818.000	3.335.991.000
1. Tiền lương	4.225.134.057	
2. Lương hợp đồng theo chế độ	58.299.612	123.930.000
3. Phụ cấp lương	6.854.414.755	
4. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	3.000.000	
5. Phúc lợi tập thể	9.849.000	
6. Các khoản đóng góp	1.154.198.000	
7. Các khoản thanh toán cho các nhân	24.112.800	
8. Thanh toán dịch vụ công cộng	76.749.263	
9. Vật tư văn phòng	187.533.375	
10. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	43.565.500	

11. Công tác phí	114.950.000	
12. Chi phí thuê mướn	41.040.000	
13. Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ	268.415.260	
Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	310.016.000	
14. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	1.585.651.378	
15. Mua sắm tài sản vô hình	32.729.000	
16. Chi khác	51.160.000	
17. Tiền thưởng theo nghị định 73		251.550.000
18. Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		746.175.000
19. Hỗ trợ đối tượng chính sách cấp bù học phí		51.942.000
20. Hỗ trợ tiền ăn bán trú		2.044.980.000
21. Hỗ trợ mua DCTDTT		30.500.000
22. Hỗ trợ mua tủ thuốc y tế		15.250.000
23. Hỗ trợ học sinh khuyết tật		71.664.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI	4.762.000	33.557.000
CHUYỂN SANG NĂM 2025		-
KINH PHÍ HỦY	4.762.000	33.557.000

1.2 Nguồn dịch vụ:

TT	Nội dung	Doanh thu	Chi phí	Tồn(âm)
	Năm 2024-2025			
1	Thu tiền dịch vụ vệ sinh (90.000đ/ 1 học sinh	54.585.000	54.588.000	3.000
II	Dự kiến năm học 2025-2026			
1	Thu tiền dịch vụ vệ sinh (dự kiến thu 90.000đ/ 1 học	54.000.000		

1.3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

Nội dung	Số sinh học	Số tiền	Ghi chú
Miễn giảm học phí	611	54.570.000	
Hỗ trợ chi phí học tập	605	808.768.000	
Học bổng học sinh khuyết tật	6	116.948.000	
Hỗ trợ tiền ăn, DCTDTT.TT	305	2.539.778.100	

2. Công khai công bố dự toán ngân sách và các khoản thu năm 2025

(Chưa quyết toán ngân sách và các khoản thu- chi năm 2025)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu kém

1.1. Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi

Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV

được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết, không đòi hỏi sự thù lao nào.

Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. Coi trọng công tác bồi dưỡng HSG là mũi nhọn.

Kết quả HSG các cấp:

- + Học sinh giỏi Quốc gia: 01 giải IOE
- + Học sinh giỏi cấp tỉnh: 09 giải (trong đó 0 giải nhất; 01 nhì; 02 ba; 06 giải KK).

1.2. Phụ đạo học sinh yếu kém

Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học 3 môn Toán, Văn, Anh cho 4 khối lớp.

Chất lượng học sinh đại trà duy trì ổn định số 1/15 trường trong toàn huyện (chưa giải thể)

Chất lượng đại trà, phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm. Nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật được đánh giá qua kỳ khảo sát chất lượng cuối năm của Phòng giáo dục.

2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Triển khai Công của Sở GD&ĐT Điện Biên về việc Hướng dẫn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường phổ thông năm học 2024-2005; 2025-2026.

Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp, cụm chuyên môn 13.

3. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công

học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025-2026./.

Nơi nhận:

- Phòng GDTrH sở GD&ĐT (b/c);
- Phòng HHXH xã Nà Hỳ (b/c);
- BGH (c/đ);
- TTCM và GV trường (t/h);
- Đăng trang Web; Zalo, fanpage facebook, Email nội bộ;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng

